

TÍNH TRIẾT LÝ TRONG THƠ QUÁCH TẤN

Nguyễn Thị Kim Hồng¹

Ngày nhận bài: 10/02/2023; Ngày phản biện thông qua: 11/9/2023; Ngày duyệt đăng: 30/9/2023

TÓM TẮT

Thơ ca là một hình thái ý thức thuộc kiến trúc thượng tầng nhưng khác với các hình thái khác cũng cùng kiến trúc thượng tầng như pháp luật, chính trị,... bởi nó có đặc trưng riêng, có sức mạnh nội cảm hóa riêng do hình thức tổ chức ngôn ngữ và trạng thái cảm xúc đặc biệt của chủ thể sáng tạo mang lại. Hành trình tìm đến cái đẹp, mỗi nhà thơ đều có cách tiếp nhận riêng bằng liên tưởng, phát hiện và đề xuất theo cách của mình. Nhà thơ lớn thường là nhà tư tưởng, nhà triết học, trực tiếp hoặc gián tiếp trình bày những triết lý về thế giới, về đời sống con người. Quách Tấn là nhà thơ nổi tiếng trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ Quách Tấn mang vẻ đẹp triết lý độc đáo, nổi bật. Nhà thơ có ý tưởng khám phá, thể hiện quan niệm về vũ trụ, vạn vật và thế giới nhân sinh. Bài viết này tìm hiểu chung về tính triết lý trong thơ ca và khái quát tình hình nghiên cứu về tính triết lý trong thơ Quách Tấn.

Từ khóa: Quách Tấn, triết lý, thơ hiện đại.

1. MỞ ĐẦU

Triết lý là những quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội. Như vậy, chúng ta có thể hiểu một cách thông thường, triết lý chính là kết quả của một quá trình nhận thức của con người nhằm đúc kết những chân lý về các vấn đề nhân sinh và xã hội. Đó là kết quả của quá trình nhận thức, đi sâu khám phá, chỉ ra được bản chất có tính quy luật của sự vật để khái quát thành những luận đề có giá trị phổ quát trong cuộc sống. Hay nói cách khác, triết lý là những điều mà chúng ta đúc kết được từ trong cuộc sống, đó có thể là những bài học, những suy tưởng, những quan niệm... sau đó trải qua thử thách của thời gian và nó đã trở thành những chân lý mang tính phổ quát trong đời sống. Bài viết này tìm hiểu chung về tính triết lý trong thơ ca và tính triết lý thể hiện trong thơ Quách Tấn.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài báo nghiên cứu về tính triết lý thể hiện trong thơ Quách Tấn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như sau:

- Phương pháp thống kê, phân loại: Chúng tôi thực hiện phân loại tác phẩm thơ Quách Tấn về nội dung phản ánh và nghệ thuật biểu hiện tính triết lý trong thơ. Việc sử dụng phương pháp thống kê, phân loại nhằm mục đích phân loại tư liệu, tác phẩm, từ đó đánh giá tổng quát về thơ Quách Tấn một cách khoa học, toàn diện.

- Phương pháp hệ thống: Phương pháp hệ thống

giúp cho việc tìm hiểu, nghiên cứu các tác phẩm của Quách Tấn hiện lên trong tính chỉnh thể. Việc sử dụng phương pháp hệ thống còn giúp chúng tôi đánh giá vị trí của thơ Quách Tấn trong thơ Việt Nam hiện đại một cách toàn diện, khách quan.

- Phương pháp so sánh đối chiếu: Phương pháp này được sử dụng trong nghiên cứu nhằm làm rõ những nét đặc trưng khác biệt của thơ Quách Tấn trong thơ Việt Nam hiện đại.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phân tích tổng hợp sự xuất hiện các dấu ấn tư tưởng triết học, văn hoá trong tác phẩm của Quách Tấn, phân tích đặc trưng tính triết lý trong thơ Quách Tấn để thấy được sáng tạo độc đáo của tác giả.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quan điểm về tính triết lý trong văn học và tính triết lý trong thơ ca

Khái niệm triết lý gần gũi với khái niệm triết luận. Ở phương Tây, không có sự tách bạch về hai thuật ngữ triết luận và triết lý vì đều được diễn đạt là philosophie, có nguồn gốc từ nguyên là Philosophia, nghĩa là yêu thích sự thông thái. Ở Việt Nam, hai thuật ngữ có sự khác nhau, triết lý thiên về sắc thái suy tưởng, khái quát, triết luận thiên về màu sắc luận giải, luận bàn. Nhìn chung, cả hai thuật ngữ triết lý và triết luận đều diễn đạt sắc thái nghĩa: suy tưởng, luận bàn về những vấn đề mang chiều sâu triết học. Triết lý là hệ thống tư tưởng của con người nghiên cứu về đời sống của con người và vũ trụ. Những triết lý này được đúc kết từ thực tiễn của đời sống và vũ trụ xoay quanh cuộc sống con người. Vì thế, các vấn đề mà triết lý hướng tới khá đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, để hình thành triết lý và thuyết phục mọi người tin

¹Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Kim Hồng; ĐT: 0344477697; Email: nguyengkimhong504@gmail.com.

tưởng, ứng dụng, cần phải đảm bảo tính chính xác, chắc chắn. Triết lý là những quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội, là kết quả của một quá trình nhận thức của con người nhằm đúc kết những chân lý về các vấn đề nhân sinh và xã hội. Đó là kết quả của quá trình nhận thức, đi sâu khám phá, chỉ ra được bản chất có tính quy luật của sự vật để khái quát thành những luận đề có giá trị phổ quát trong cuộc sống. Hay nói cách khác, triết lý là những điều được đúc kết được từ trong cuộc sống, đó có thể là những bài học, những suy tưởng, những quan niệm... qua thử thách của thời gian và trở thành những chân lý mang tính phổ quát trong đời sống.

Thơ ca là một loại hình nghệ thuật ngôn từ đặc biệt. Thơ ca thể hiện cảm xúc và tâm trạng, được chứa đựng bởi một hình thức mang tính quan niệm đặc biệt. Thơ ca thể hiện sự hài hòa thẩm mỹ giữa trí tuệ và cảm xúc; giữa hình thức và nội dung. Trong đó, tính triết lý là một phương diện cần có để làm giàu nhận thức, liên tưởng và suy tưởng của con người. Để làm sáng tỏ một số nhân tố chủ yếu của quá trình tâm lý sáng tạo văn học nghệ thuật, làm hiện rõ mối quan hệ giữa tác giả - tác phẩm - độc giả nhằm cuối cùng chỉ ra cơ sở của tính trí tuệ trong thơ, chúng tôi tìm hiểu mối quan hệ giữa *triết lý* và *thi ca*, giữa những vấn đề có liên quan đến *tính triết lý* và *trí tuệ trong thơ*... Trong sáng tạo, nhà thơ vẫn thể hiện những ưu tư, suy nghiệm về cuộc sống. Thơ và triết học hoàn toàn bình đẳng với nhau khi phản ánh những vấn đề thực tại đời sống. Thơ ca cũng là một hình thái ý thức thuộc kiến trúc thượng tầng nhưng khác với các hình thái khác cũng cùng kiến trúc thượng tầng như pháp luật, chính trị, tôn giáo... bởi nó có tính đặc trưng riêng, có sức mạnh nội cảm hóa riêng do hình thức tổ chức ngôn ngữ và trạng thái cảm xúc đặc biệt của chủ thể sáng tạo mang lại. Hành trình tìm đến cái đẹp, mỗi nhà thơ đều có cách tiếp nhận riêng bằng liên tưởng, phát hiện và đề xuất theo cách của mình. Nhà thơ lớn thường là nhà tư tưởng, họ trực tiếp hoặc gián tiếp trình bày vai trò của thi ca trong đời sống tinh thần của con người bằng nhiều cách nói. Để tìm một định nghĩa về triết lý trong thơ ca quả là khó. Vì nếu nó có một định nghĩa chuẩn xác được mọi người thừa nhận thì cả cuộc đời, các nhà thơ đã không phải tốn nhiều giấy mực tranh biện như thế. Nhà thơ suy nghĩ nhưng chỉ những phút bất thần mới khám phá ra nội tâm mình và cuộc đời bằng ngôn ngữ. Như vậy, chất triết lý trong thi ca, đặc biệt ở những nhà thơ lớn, bên cạnh kiểu tư duy thuần lý, dường như bao giờ cũng thể hiện sự nghịch lý nhưng là sự nghịch lý nằm trong tính toàn thể của nó, bao gồm cả hình

thức và nội dung, để cuối cùng người đọc nhận ra một nét riêng, một phong cách đặc biệt từ sự hài hòa này. Quan niệm đầy nghịch lý về tính triết lý trong thi ca hàm chứa trong bản thân nó sự mâu thuẫn được điều hòa làm thành cảm xúc thơ, giá trị thơ; do quá trình sáng tạo được chỉ đạo từ một quan niệm, một tư tưởng triết lý nào đó. Có những tác phẩm hàm ẩn những triết lý lạ, gọi sự tò mò trí tuệ ở người đọc để thỏa mãn nhận thức. Phải tìm cái đẹp ẩn chứa bên trong đã tạo ra sự khoái cảm ấy từ hình thức tương ứng mới thấy hết tư tưởng nền tảng của nhà thơ. Thơ diễn đạt những quá trình đa dạng nhất và hệ quả tư duy đầy ám ảnh, giữa tư duy và ngôn ngữ dù có liên quan với nhau nhưng ngôn ngữ không phải là kho phương tiện sẵn có, vô tận và phù hợp ngay để có thể tư duy và thể hiện kết quả tư duy. Chính những hình ảnh đã mang vào tư duy ký ức và kinh nghiệm chứa đầy màu sắc tình cảm, nên không thể bỏ qua sự tương phản giữa ngữ nghĩa và hình ảnh ước lệ. Đó là nghịch lý trong thơ, là sự thể nhất nhưng không đơn nhất, là sự hòa quyện nhưng khác biệt, nhưng trước kia, ta chỉ nói đến thơ như một chỉnh thể tương tác giữa bộ phận và toàn thể hoạt động trong cấu trúc nội tại nhịp nhàng. Tính triết lý trong thi ca có thể được hiểu trong sự biểu hiện ở hình thức nghệ thuật của nó. Điều này, giúp ta có cơ sở đi sâu tìm hiểu thế giới nghệ thuật thơ phong phú, đa dạng của các thi nhân. Tính đặc biệt về hình thức đã làm cho quá trình tìm hiểu thơ trở nên phức tạp nhưng vô cùng kỳ thú với nhận thức của người đọc. Một khi đã giải mã được nó thì những vấn đề thuộc nội hàm như: tư tưởng, tính triết lý, tứ thơ sẽ hiện lên. Tính triết lý trong văn thơ không phải là những gì khô khan; vì nếu thế, các lĩnh vực khác như triết học, tư tưởng sẽ dễ thể hiện hơn. Tính triết lý ở đây được thăng hoa từ cảm xúc và suy nghĩ trên cái nền hiện thực cụ thể mà chủ thể sống qua. Thơ ca từ xưa đến nay đều thể hiện sự hài hòa này. Không phải chỉ câu thơ, bài thơ mà ngay cả những gì mà nhà thơ suy ngẫm đã bao hàm triết lý. Và khi được thể hiện ra, lập tức nó làm giàu, nâng cao hiệu quả thơ. Nhà thơ nào có vốn văn hóa, vốn triết học cao và biết vận dụng chúng trong sáng tạo để hình thành kiểu tư duy độc đáo, đậm đặc mang cá tính, giọng điệu riêng khi bình giá cuộc sống thì được xem như nhà thơ trí tuệ, nhà thơ triết lý. Triết lý là lý luận chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội, chỉ quan niệm và sự đánh giá đối tượng bằng lý tính. Một nhà thơ dù có trí tuệ và triết lý đến đâu thì họ cũng phải ưu tiên cho chất trữ tình - đặc trưng cơ bản của thơ - nhiều hơn. Cho nên triết lý, trí tuệ ở đây nên hiểu là tính chất trí tuệ, tính chất triết lý mà nhà thơ ưu tiên thể hiện

bên cạnh những tính chất khác. Nhà thơ nào cũng bằng vốn trí thức và văn hóa chung của mình để miêu tả, bình luận và đánh giá cuộc sống theo quan niệm riêng và đạt được mức độ mới mẻ, với giọng điệu riêng, hấp dẫn thì mới gọi là có tính triết lý. Hơn nữa, nhiều người vẫn cho rằng tính triết lý thể hiện đậm đặc cả trong thơ trữ tình lẫn trong thơ trí tuệ; còn tính trí tuệ thì thể hiện trong thơ chính luận nhiều hơn thơ trữ tình. Dùng trí tuệ để triết lý và triết lý đạt tầm trí tuệ đến đâu là hai quá trình khác nhau. Với ý nghĩa ấy, chúng tôi thống nhất dùng cách gọi tính triết lý mà vẫn không hề đối lập với những gì thuộc về trí tuệ, tính trí tuệ.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tránh dùng khái niệm Thơ triết học (Triết thi - *poésie philosophique*) vì nó quá rộng dù nhiều nhà thơ có tình đưa những yếu tố và thuộc tính phổ biến cách đánh giá về vũ trụ, nhân sinh, về thời gian, cái chết... theo đặc điểm của tư duy triết học. Còn tính triết lý, tính trí tuệ thì dĩ nhiên không phải một mà rất nhiều nhà thơ theo đuổi, tìm tòi. Để tránh cách gọi khoa trương, chúng tôi sử dụng cách diễn đạt tính triết lý trong thi ca. Nhà thơ triết lý không chủ tâm phổ biến những quan niệm có tính triết học của mình bằng tư tưởng một cách khô khan. Trái lại, ở họ, kết hợp được tình cảm và lý trí để xây dựng những hình ảnh, những tâm trạng điển hình, chân thật của cuộc sống bằng ngôn ngữ, giọng điệu có tính triết lý nhưng yếu tố trữ tình, gợi cảm vẫn đậm sâu. Đó là thi pháp cá nhân của từng nhà thơ. Họ chú trọng đến chất thơ và hình thức thích hợp để chứa đựng tư tưởng, triết lý. Từ đó người đọc phải rung động và nghĩ suy một cách say mê. Khi Nguyễn Du viết *Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau* thì rõ ràng tác giả có nói đến triết lý về *chữ tài chữ mệnh*. Tương tự như vậy, Chế Lan Viên thể hiện tính triết lý trong thơ bằng nhiều biện pháp nghệ thuật: *Ôi! Cái thuở lòng ta yêu Tổ quốc/ Hạnh phúc nào không hạnh phúc đầu tiên?* thì ông đã nói lên niềm sung sướng nhất của lòng mình (và cả cho mọi người) khi gặp lại Nhân dân và Tổ quốc. Tình yêu Tổ quốc được đánh thức trọn vẹn trong ông và trở thành hạnh phúc ban đầu, thiêng liêng màu nhiệm, nó xa lạ với kiểu tình yêu Tổ quốc trước đó khi chưa ý thức đầy đủ. Nhờ giọng điệu thông qua tổ chức ngôn ngữ mà tính triết lý và tư tưởng tác giả được tỏ lộ. Dĩ nhiên, muốn sáng tạo theo hướng này, nhà thơ phải vượt qua nhiều trở ngại để tạo thành vẻ đẹp nghệ thuật, dù có khi khó bình luận, phân tích ở ý nghĩa ẩn chìm của chúng. Sự tương quan giữa tư tưởng và sáng tạo thi ca bao giờ cũng có sự liên kết chặt chẽ, có khi ẩn kín, khó nắm bắt ngay lập tức. Chính vì vậy, những quan niệm về tính triết lý trong thơ bao

giờ cũng có vẻ như những quan niệm đầy nghịch lý, nhưng là sự nghịch lý trọn vẹn, hợp lý. Triết lý là hệ thống tư tưởng của con người nhằm nghiên cứu các hiện tượng trong đời sống của con người và vũ trụ mà con người đang sinh sống. Triết lý không chỉ là sản phẩm của quá trình suy ngẫm mà còn được rút ra thông qua những trải nghiệm. Triết lý được đúc kết một cách ngắn gọn như một nền tảng cốt lõi, cơ bản trên cơ sở nhìn nhận những sự vật, hiện tượng trong cuộc sống.

3.2. *Thơ Quách Tấn thể hiện triết lý nhân sinh*

Cho đến nay, thơ Việt Nam là đối tượng quan tâm nghiên cứu của nhiều công trình khoa học. Hệ thống các chuyên luận, báo cáo, bài báo khoa học, luận văn, luận án... về đối tượng này rất phong phú. Nhìn một cách tổng quát, các công trình này chủ yếu tập trung nghiên cứu về các giai đoạn vận động của thơ Việt Nam, các đặc điểm nổi bật (về quan niệm, cảm hứng, thi pháp...) và tập trung vào việc nghiên cứu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Chúng tôi tìm thấy khá nhiều ý kiến nhận định, đánh giá xác đáng về đề tài này (kết hợp với những chủ đề chính khác) trong nhiều công trình khoa học của các nhà nghiên cứu như Nguyễn Việt Chiến, Nguyễn Đăng Điệp, Phạm Quốc Ca... chúng tôi nhận thấy các nhà nghiên cứu chủ yếu đánh giá thành tựu và đóng góp của các nhà thơ hiện đại trong đó có đề cập đến sáng tác của Quách Tấn trên phương diện nghệ thuật, thi pháp thơ Quách Tấn. Hầu hết các công trình mang tính bao quát về thơ Việt Nam hiện đại khi tổng kết về diện mạo, thành tựu, đặc điểm thơ Việt hiện đại đều nhắc đến sự hiện diện và khẳng định thành tựu của thơ Quách Tấn, đồng thời cũng đề cập đến một số vấn đề liên quan đến nội dung biểu hiện của tính triết lý trong thơ ca.

Để tìm một định nghĩa chung về triết lý trong thơ ca là không dễ dàng. Vì nếu nó có một định nghĩa chung và thống nhất được mọi người thừa nhận thì cả cuộc đời, sự nghiệp sáng tác các nhà thơ đã không phải tư duy, trăn trở suy nghiệm nhiều như thế. Chất triết lý trong thi ca, đặc biệt ở những nhà thơ lớn, bên cạnh kiểu tư duy thuần lý, dường như bao giờ cũng thể hiện sự nghịch lý nhưng là sự nghịch lý nằm trong tính toàn thể của nó, bao gồm cả hình thức và nội dung, để cuối cùng người đọc nhận ra một nét riêng, một phong cách đặc biệt. Quan niệm đầy nghịch lý về tính triết lý trong thi ca ở bất kỳ nhà thơ nào, dù là vô hình trung đi nữa thì cũng hàm chứa trong bản thân nó sự mâu thuẫn được điều hòa làm thành cảm xúc thơ, giá trị thơ. Có những tác phẩm hàm ẩn những triết lý mới lạ, gợi sự tò mò trí tuệ ở người đọc để thỏa mãn nhận thức. Phải tìm cái đẹp ẩn chứa bên trong đã tạo ra

sự khoái cảm ấy từ hình thức tương ứng mới thấy hết tư tưởng nền tảng của nhà thơ. *Phương thức tư duy* cơ bản của Quách Tấn, xét ở góc độ triết học là tìm kiếm phát hiện bản chất, bản thể sự vật, hiện tượng và con người, quy luật thế giới tự nhiên và thế giới nhân sinh. Không chỉ xem xét cái vỏ hình thức, cái bên ngoài mà bao giờ cũng chú tâm tìm ra cái cốt lõi, tìm đến cùng và chưa bao giờ thỏa mãn với cái gọi là cuối cùng. Thơ của ông mang cảm quan triết lý. Điều này được thể hiện qua những vần thơ viết về vũ trụ, thiên nhiên và con người của ông. Trong mối quan hệ qua lại giữa thi nhân và vũ trụ, thiên nhiên, nhà thơ đã thể hiện khá rõ bằng con mắt triết lý sắc sảo. Nhiều tác phẩm của Quách Tấn hàm ẩn những triết lý sâu sắc về cuộc sống. Tìm hiểu tính triết lý trong thơ Quách Tấn giúp ta có cơ sở đi sâu tìm hiểu thế giới nghệ thuật thơ phong phú, đa dạng của thi nhân. Một khi đã giải mã được tính triết lý thì những vấn đề như tư tưởng nhà thơ sẽ dễ tiếp nhận với độc giả. Tính triết lý trong văn chương không hề khô khan vì nó được thăng hoa từ cảm xúc về hiện thực cụ thể mà nhà thơ suy ngẫm. Thơ ca từ xưa đến nay đều thể hiện sự hài hòa này. Không phải chỉ câu thơ, bài thơ mà ngay cả những gì trong tư tưởng nhà thơ đã bao hàm nội dung triết lý. Và khi được thể hiện ra, lập tức nó làm giàu, nâng cao hiệu quả nghệ thuật cho thơ. Nhà thơ nào có vốn văn hóa, vốn triết học cao trong sáng tạo để hình thành kiểu tư duy độc đáo, đậm đặc mang cá tính, giọng điệu riêng là nhà thơ trí tuệ, nhà thơ triết lý.

3.3. Tính triết lý qua hình thức và ngôn ngữ trong thơ Quách Tấn

Tính triết lý trong văn học được thể hiện một cách sâu sắc thông qua sự trải nghiệm và sự sáng tạo của người nghệ sỹ. Trong đó bằng phương tiện ngôn ngữ nhằm làm toát lên ý tưởng nghệ thuật của tác phẩm. Tính triết lý trong tác phẩm văn học được thăng hoa từ cảm xúc và trí tuệ của tác giả được phát triển qua thực tế cuộc sống đã trải nghiệm. Nội dung triết lý trong các tác phẩm văn học có khi là những triết lý rất nhẹ nhàng, sâu lắng, giàu chất nhân văn, cũng có những triết lý mang vẻ cao siêu uyên bác. Nội dung triết lý trong mỗi tác phẩm luôn chứa đựng một điều gì đó khiến độc giả phải suy ngẫm. Khi đi vào tìm hiểu tính triết lý trong thi ca phải tìm hiểu sự biểu hiện của nó ở hình thức, tức ở ngôn ngữ, ở những mô hình, cấu trúc nghệ thuật. Tính triết lý trong thơ hiện lên qua những yếu tố tham gia cấu thành tác phẩm. Tính triết lý, chất trí tuệ là một tính chất mà nhà thơ ưu tiên thể hiện trong tác phẩm bên cạnh những tính chất khác. Một nhà thơ dù có trí tuệ và triết lý

đến đâu cũng phải coi chất trữ tình - đặc trưng cơ bản nhất của thơ ca là yếu tố thiết yếu làm nên tác phẩm. Với nhà thơ triết lý trước hết họ quan tâm đến chất thơ, hình thức thơ thích hợp nhất có thể chứa đựng và biểu đạt tư tưởng, triết lý. Sau đó là sự kết hợp giữa lý trí và xúc cảm một cách hài hòa nhằm xây dựng hình ảnh thơ bằng giọng điệu có tính triết lý nhưng vẫn mang yếu tố trữ tình. Tìm hiểu về tính triết lý trong thơ ca có ý nghĩa quan trọng giúp độc giả đi sâu tìm hiểu sự tương quan giữa tư tưởng và sáng tạo của nhà thơ. Đó là những suy nghiệm mang tính thời đại trong nội dung, giọng điệu, ngôn ngữ... nhằm thể hiện quan niệm của nhà thơ.

Triết lý thể hiện những bao quát có tính lý luận chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội. Tuy nhiên một nhà thơ dù có trí tuệ và triết lý đến đâu thì cũng phải ưu tiên cho chất trữ tình là đặc trưng cơ bản của thơ nhiều hơn. Cho nên triết lý, trí tuệ ở đây nên hiểu là tính chất trí tuệ, tính chất triết lý mà nhà thơ ưu tiên thể hiện bên cạnh những tính chất khác. Nhà thơ nào cũng bằng vốn trí thức và văn hóa chung của mình để miêu tả, bình luận và đánh giá cuộc sống theo quan niệm riêng và đạt đến sự mới mẻ, hấp dẫn, có tính triết lý. Nhà thơ đưa ra triết lý, đánh giá về vũ trụ, nhân sinh, về thời gian... theo đặc điểm của tư duy triết học. Nhà thơ triết lý không chủ tâm phô diễn những quan niệm có tính triết học của mình bằng tư tưởng một cách khô khan. Trái lại, ở họ, kết hợp được tình cảm và lý trí để xây dựng những hình ảnh, những tâm trạng điển hình, chân thật của cuộc sống bằng ngôn ngữ, giọng điệu có tính triết lý nhưng yếu tố trữ tình, gợi cảm vẫn đậm sâu. Đó là thi pháp cá nhân của từng nhà thơ. Họ chú trọng đến, trước hết, chất thơ và hình thức thích hợp để chứa đựng tư tưởng, triết lý. Từ đó người đọc phải rung động và nghĩ suy một cách say mê. Quách Tấn luôn thể hiện tính triết lý trong thơ bằng nhiều biện pháp nghệ thuật để tạo nên giọng điệu thơ đầy tính triết lý. Nhờ giọng điệu tổ chức ngôn ngữ riêng mà tính triết lý và tư tưởng tác giả được thể hiện. Sự tương quan giữa tư tưởng triết lý và sáng tạo thi ca bao giờ cũng có sự liên kết chặt chẽ, có khi ẩn kín, khó nắm bắt ngay lập tức, những quan niệm về tính triết lý trong thơ bao giờ cũng có vẻ như những quan niệm đầy nghịch lý, nhưng là sự nghịch lý trọn vẹn, hợp lý. Triết lý là kết quả quá trình tư duy và nhận thức của con người về vấn đề nhân sinh và xã hội. Mỗi con người là một cá thể, có cách cảm, cách nghĩ riêng, có nhu cầu bộc lộ quan niệm của mình về mọi mặt đời sống. Những triết lý sâu sắc và đúng đắn chỉ có được khi con người có một quá trình lâu dài tư duy, suy ngẫm.

Quách Tấn là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới. Thơ Quách Tấn mang vẻ đẹp triết lý độc đáo, nổi bật. Trong sự nghiệp văn học của Quách Tấn, nổi bật hơn cả vẫn là lĩnh vực thơ. Đến nay, đã có nhiều nhà nghiên cứu về thơ Quách Tấn như Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, Trần Đình Sử,... Hầu hết các ý kiến đều đánh giá cao thơ của Quách Tấn và cho rằng Quách Tấn có vị trí xứng đáng trong nền văn học Việt Nam thế kỷ XX. Nhà thơ trong sáng tác đã có ý tưởng khám phá, thể hiện quan niệm về vũ trụ, vạn vật và thế giới nhân sinh. *Phương thức nhận thức thế giới và sáng tạo* của Quách Tấn, xét ở góc độ triết học là tìm kiếm phát hiện bản chất, bản thể sự vật, hiện tượng và con người, quy luật thế giới tự nhiên và thế giới nhân sinh. Điều này được thể hiện qua những vần thơ mang chiều sâu triết lý viết về vũ trụ, thiên nhiên và con người của ông. Trong mối quan hệ qua lại giữa thi nhân và vũ trụ, thiên nhiên, nhà thơ đã thể hiện khá rõ bằng con mắt triết lý sắc sảo. Thơ Quách Tấn mang tính triết lý rõ nét. Công trình *Quê hương và hồn đạo trong thơ văn Quách Tấn* của Thích Phước An cũng bước đầu đề cập, tìm hiểu triết lý nhà Phật trong thơ Quách Tấn. Nguyễn Công Thanh Dung với *Cảm hứng Thiên Phật* trong thơ Quách Tấn đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 3/2014 cho rằng thơ của Quách Tấn mang cảm quan triết lý Phật giáo. Quách Tấn thường nghiền ngẫm, nghiên cứu kinh Phật, nên thơ của ông ít nhiều cũng mang cảm quan triết lý nhà Phật và mang cả cảm hứng đạo học. Điều này được thể hiện qua những vần thơ viết về thiên nhiên của ông. Thiên nhiên được nhìn qua cảm quan Thiên đạo. Nguyễn Cẩm Phạm Văn Nga khảo sát các mức độ Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca nhóm Bàn thành tứ hữu: Với Quách Tấn ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca là khá rõ ràng; còn Chế Lan Viên vẫn có yếu tố Phật giáo phản quang trong thơ ông; với thơ Yên Lan tư tưởng Phật giáo có phần nhẹ nhàng hơn tuy không rõ nét vì ông không thích những tư duy siêu hình, những căn vặn, trở trăn triết lý. Lê Từ Hiên với *Mối duyên thiên* trong thơ Bàn thành tứ hữu cho rằng sự gặp gỡ ở Thiên duyên đã làm nên tính thống nhất và đa dạng trong thơ của Quách Tấn, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Yên Lan. Nguyễn Thị Nguyệt Trinh với *Sự hài hòa giữa Thiên cảnh và Thiên tâm* trong thơ tứ tuyệt của Quách Tấn đã chỉ ra nét độc đáo của mối quan hệ tâm - cảnh trong sáng tác của Quách Tấn. Tác giả cho rằng Trong dòng chảy thơ ca thế kỷ XX hiện đại với nhiều khuynh hướng, đa phong cách, Quách Tấn vẫn lặng lẽ kiên trì một con đường riêng, lưu giữ hương xưa, kết hợp cái hàm súc, trang nhã của thơ với tinh thần uyên áo diệu vợi thăm sâu của Thiên trong dạng thức thơ tứ tuyệt,

đựng nên một thế giới thơ hài hòa giữa Thiên tâm và Thiên cảnh.

Trong công trình *Quách Tấn qua cái nhìn phê bình văn học*, Nguyễn Thái đã phát hiện Quách Tấn được nuôi dưỡng trong không khí tâm linh. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra dấu ấn ảnh hưởng triết lý Phật giáo trong thơ Quách Tấn như: cảm quan thiên đạo trong cách nhìn và miêu tả thiên nhiên, hình ảnh tiếng chuông chùa... Trong *Hội thảo Phật giáo và văn học Bình Định: Thành tựu và giá trị* cũng đã có nhiều bài viết nghiên cứu những sáng tác của Quách Tấn từ góc nhìn ảnh hưởng tư tưởng triết lý Phật giáo. Nhìn chung lại, các công trình trên mới chỉ nhận diện triết lý tôn giáo trong thơ Quách Tấn ở nội dung tư tưởng và một số hình thức biểu hiện về ngôn ngữ, giọng điệu, hình ảnh, biểu tượng. Có thể thấy, việc tìm hiểu thơ thể hiện triết lý, tư tưởng tôn giáo của Quách Tấn đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, tuy nhiên, những công trình này mới đề cập một vài khía cạnh của nội dung và nghệ thuật, hoặc dừng lại ở việc nêu những nhận định chung chung, chưa có những khảo cứu chuyên sâu, hệ thống để chứng minh, lý giải đầy đủ về tính triết lý trong thơ Quách Tấn.

Tính triết lý trong thơ Quách Tấn được biểu hiện qua các phương diện như: quan điểm, cảm hứng sáng tác, ngôn ngữ, hình thức thơ, qua “chất Thiên” (Thiên cảnh, Thiên tâm), qua triết lý tôn giáo trong thơ. Thơ Quách Tấn thể hiện triết lý Phật giáo trong cái nhìn về nhân sinh và cái nhìn vũ trụ. Thơ Quách Tấn chứa đựng nhiều triết lý nhân sinh, trong đó có ảnh hưởng nhân sinh quan Phật giáo rất rõ nét. Nhân sinh quan Phật giáo hướng đến con người với vị trí trung tâm. Phật giáo thường nhắc đến chân như, vô ngã, an lạc, duyên khởi và coi những triết lý này như là những điểm mấu chốt. Khi không còn phân biệt thân sơ, người cảnh, thể nhập hòa tan với tất cả bằng năng lượng của lòng từ bi tràn ngập thì con người có thể an nhiên trong mọi hoàn cảnh và điều kiện. Hiểu được “chân như” sẽ sống được với “vô ngã” trong tinh thần của “tĩnh lạc”, tất cả đều diễn ra tự nhiên mà hết sức đầy đủ, trọn vẹn. Những lời dạy tốt đẹp của đức Phật được nhiều người tiếp thu và có ảnh hưởng đến thơ Việt Nam hiện đại. Triết lý “chân như” và tinh thần “tĩnh lạc” xuất hiện trong thơ hiện đại khiến thơ thêm phong phú và sâu sắc. Phật giáo ra đời, được tiếp biến và du nhập tại Việt Nam. Hiện nay, có đa dạng tông phái, nhưng nhìn chung tất cả đều dung hợp; cùng chung sống hòa bình. Mục đích của Phật giáo là giúp con người dứt khổ, giải quyết vấn đề sinh tử, đặt yếu tố con người lên đầu tiên. Các vấn đề vũ trụ quan, thế giới quan, nhân sinh quan trong hệ tư tưởng Phật giáo

rất phong phú, đa dạng, cao siêu. Phật giáo từ khi du đến nay với quan điểm nhân sinh quan tốt đẹp, gắn liền với những trải nghiệm về cuộc sống hiện thực, đã góp phần hình thành, xây dựng và thúc đẩy xã hội và văn hóa Việt Nam phát triển. Có thể nói, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc trên mọi lĩnh vực, trong đó có văn học nghệ thuật, có thơ ca. Nội dung Phật giáo hiện nay vẫn bao hàm các vấn đề của thời đại như: đề cao nhân bản, vì hạnh phúc và an lạc cho tất cả mọi người, tinh thần tự do dân chủ, bình đẳng, bác ái, bao dung... Tinh thần từ bi hỷ xả luôn được quần chúng ủng hộ, vận dụng uyển chuyển trong các điều kiện thực tế của đất nước. Ảnh hưởng Phật giáo trong văn học Việt Nam, từ văn học dân gian đến văn học cận hiện đại chính là tiền đề dẫn đến ảnh hưởng triết lý Phật giáo trong thơ Quách Tấn. Thơ Quách Tấn mang dấu ấn triết lý Phật giáo trong cái nhìn về nhân sinh. Chịu ảnh hưởng triết lý Phật giáo, nhận thức rõ sự khổ nhưng thơ Quách Tấn vẫn quyện hòa lòng từ bi, hỉ sinh, bao dung, cảm thông về kiếp người: Đèn khuya buông dịu ánh hồng sa/ Năm hỏi thăm nhau chuyện cửa nhà/ Đơn chiếc lòng thu thân quán trọ/ Bụi ngùi giọt lệ khóc cầm ca (Đèn khuya - Động bóng chiều). Bản chất của khổ đau trong thơ Quách Tấn còn là những lo sợ trước thay đổi của lòng người và thời cuộc, sự mất niềm tin nơi đồng loại, cái thiện ít dần trong tâm hồn mỗi người. Nỗi buồn trong thơ ông rất khó định dạng, khó diễn tả, rất đan xen mơ hồ, ám ảnh: Đời nửa khói mây chìm bóng mộng/ Gọi dò một tiếng lạnh hư không (Tĩnh tịch - Động bóng chiều). Giọng triết lý, suy tư, chiêm nghiệm không phải là những chất giọng mới lạ, nhất là với những nhà thơ có khuynh hướng tư duy triết học. Triết lý để thể hiện tính trí tuệ, suy tư để thể hiện tâm tư tấm lòng của chủ thể cũng như để người đọc tự tìm hiểu, chiêm nghiệm để thấy ra sự thật, từ đó hoặc đồng ý hoặc phản bác để đi đến hành động... Thơ đã thể hiện rất rõ các cung bậc cảm xúc này thông qua cách sử dụng đa giọng điệu, tạo ấn tượng sâu xa trong tâm thức người đọc. Thơ của Quách Tấn thể hiện cảm hứng Thiền Phật và triết lý tôn giáo rõ nét. Bản chất của Phật giáo là đưa con người thực nghiệm chính cuộc đời, nhận biết về sự thật "khổ đế" của thế gian để thấu rõ căn nguyên, và khi thấy rõ con đường thoát khổ thì có thể sống hòa nhập với vũ trụ vạn vật. Các tác giả viết rất chân thực, cảm thông, tỉnh thức, về các cung bậc khổ nơi thân - tâm con người; mong muốn vượt qua vòng luẩn quẩn của sự dính mắc, nhất là trong nghiệp ái. Vậy nên, thơ ảnh hưởng bởi triết Phật cho thấy, khi người ta chấp nhận quy luật sanh diệt thì nỗi đau khổ được giảm bớt, nỗi đau sẽ nhân lên gấp bội khi người ta để cảm xúc quá lớn mà không thấy rõ luật

vô thường muôn thuở của nhân sinh vũ trụ. Quách Tấn ý thức được mọi sự vật hiện tượng biến dịch nhưng có cái không bao giờ biến dịch đó là chân như. Vì thế con người chỉ cần sống với trạng thái tâm bình yên thì sẽ không bị khổ não trong ngoài khuấy động, nhờ đó có thể sống an một cõi riêng giữa cuộc đời chung, không phân biệt sống chết. Bài thơ khắc trên bia mộ của ông đã nói lên điều này: Nghìn xưa không còn nữa/ Nghìn sau rồi cũng không/ Phẳng phất bờ trắng rặng/ Hương Ưu Đàm trở bông (Thoáng hiện - Mộng Ngân Sơn). Thơ của Quách Tấn mang cảm hứng Thiền Phật, được nhà thơ thể hiện nhiều nhất trong những tập thơ như: Động bóng chiều (1965), Mộng ngân Sơn (1966), Giọt trắng (1973). Quách Tấn là một Phật tử thuần thành, ông thường nghiền ngẫm, nghiên cứu kinh Phật, nên thơ của ông mang cảm quan triết lý nhà Phật và mang cả cảm hứng đạo học. Điều này được thể hiện qua những vần thơ viết về thiên nhiên của ông. Thiên nhiên được nhìn qua cảm quan Thiền đạo. Trong mối quan hệ qua lại giữa thi nhân và thiên nhiên, tính tương hỗ từ thể xác qua trí tuệ đến tâm linh đã phơi bày một cách tích cực và không mâu thuẫn. Quách Tấn không chỉ nhìn ngắm thiên nhiên với con mắt thẩm mỹ mà còn với cả con mắt triết lý và tâm linh. Quách Tấn như đã hòa quyện cùng thiên nhiên, gắn bó trong mối quan hệ giữa tiểu ngã và đại ngã để làm thành khối đồng nhất, mà thiên nhiên là tiền đề, là điều kiện để khởi động từng phút, từng giây cảm xúc của thi sĩ, hỗ trợ thi sĩ ý thức được sự có mặt của ngũ quan. Thiên nhiên xung quanh con người là hiện thân của đất, nước, không khí, năng lượng mặt trời, của sự vận hành tháng năm, với thời gian vô tận. Sự hòa nhập của nó cũng là hòa nhập vào suối nguồn của sự sống. Cụ thể hơn, với một vô sò khô, Quách Tấn cũng gọi vào nó hơi thở của một sức sống thơ dạt dào, nhìn vô sò khô, một thực thể chết, Quách Tấn lại nghe tiếng reo vang vọng của biển khơi, có sự sống, cái chết nào lại chẳng liên quan đến môi trường sống với thế giới đồng hiện hữu? Hiện thể của vô sò hoặc con sò đâu thể thiếu vắng biển khơi. Tiểu ngã và đại ngã tương duyên với nhau: Vô sò khô ấp ủ,/ Niềm băng tuyết đêm sương./ Muôn xa bờ bến cũ,/ Vang vọng sóng trùng dương. (Ấp ủ). Và mỗi khi tiểu ngã và đại ngã tương quan, tương duyên với nhau thì mỗi động tác đều gây sự chuyển động dây chuyền. Cái búng chân nhảy của con cào cào màu xanh cũng đủ khiến bầu trời buổi chiều thu rung chuyển: Nước ngoan trời long lanh,/ Con cào cào áo xanh./ Bờ cao búng chân nhảy, Mây chiều thu rung rinh. (Búng chân). Đây là nhận thức triết lý của Quách Tấn, nó bắt nguồn từ sự thấm nhuần đạo Phật. Trong thế giới tương quan tương duyên và cả

tương tác nữa, thì đâu đâu cũng mang tính động thái và tính tiến trình. Tất cả đều tác động qua lại, đều vận chuyển, nghĩa là không diễn ra theo một chiều mang tính định mệnh, mang tính “Sáng thế”. Tính tương quan, triết lý tương duyên quyết định cho sự sinh diệt cũng như hình ảnh, màu sắc của thiên nhiên cũng quyết định tính vô biên, vô thường và vô ngã của nó. Thơ Quách Tấn thể hiện sự ung dung, thông dong, bởi nhà thơ luôn giữ lòng tự tại trước thực tế thay đổi theo thời gian. Sự tĩnh tại đó là nhờ thi sĩ đã nghiệm ra, đã trực cảm được cái lẽ Là mộng cũng là chân để lượng hương xuân ngào ngạt mãi trong lòng: Mười hai mùa lá rụng./ Đây mùa hương nở xuân./ Theo duyên lòng chẳng đổi./ Là mộng cũng là chân. (Nở xuân). Mộng huyền và chân thật xét đến cùng, có chung một bản thể, là hai mặt của một thực tại, bởi Tâm pháp nhất như, Vạn vật nhất thể, nhà thơ đồng nhất mộng và chân là nhờ nhận thức được chân lý ấy. Nhà thơ tĩnh tâm trước thực tại, nên đã chấm dứt mọi bay nhảy, mọi tìm kiếm, đi và đến để như Chim dừng cánh biệt ly (mơ Đạo), để không còn hỏi Cảnh hay lòng? và để nhận thức được rằng Lòng với cảnh không chia (Quán trọ đêm thu) và: Mây nước hằng tự tại./ Vàng đá chẳng vô tri. Thiên nhiên trong thơ Quách Tấn mang đậm chất thanh bình và nét đẹp tâm linh, nhờ thế mà thi nhân chứng nghiệm được Hương gió thoảng liên tri (mơ Đạo) dù chỉ trong một sát na, một cái nháy mắt, một chút gió thoảng qua! Tư tưởng triết lý của Đạo Phật thấm nhuần trong tư duy thơ Quách Tấn. Trước khi từ giã cõi đời, nhà thơ dặn dò con cháu khắc trên bia mộ: Nghìn xưa không còn nữa./ Nghìn sau rồi cũng không/ Phẳng phất bờ trắng rạn/ Hương Ưu đàm trở bông. (Thoảng hiện). Tồn tại và hủy diệt, sắc và không, hữu và vô đều cùng bản thể, nhất như, nghìn xưa không còn là thực tại. Quá khứ nghìn năm sau sẽ không còn; và tương lai nghìn năm sau dù chưa hiện hữu cũng chẳng tồn tại. Tất cả đều là Không. Giác ngộ và thấu hiểu được chữ Không trong tư tưởng triết học nhà Phật là cả những chuỗi thời gian chiêm nghiệm, nghiền ngẫm, suy tư. Không ở đây chẳng phải là sự đối đãi, đối lập giữa “có” và “không”, “hữu” và “vô” mà là cái Không vượt lên trên. Đó là chân không diệu hữu. Quách Tấn đã nghiệm ra được điều đó. Ông không giữ chặt cái đã qua, cũng không sống với cái chưa có thực, không để cho những gì của quá khứ và tương lai chen vào phút giây đang hít thở, thì lúc đó vàng trắng rạn cũng cho “thấy” cả hương ưu đàm, người ta chỉ gặp nó khi lòng mình thật sự lặng lẽ, thanh tịnh. Thơ Quách Tấn ý mới, lời mới, sâu sắc, tình cảm nồng nàn, mang đậm một tâm hồn phương Đông, tâm hồn Việt Nam. Trong thơ Quách Tấn, con người và đất trời, cảnh

và tình hòa quyện vào nhau như máu thịt, hơi thở của sự sống đầy thơ mộng: Bến lạ thu bay lá rợp đường/ Khôn tìm giấc mộng ẩn canh sương/ Tờ thơ gió lật trắng bên gối./ Giếng ngọt vườn quê khơi nhớ thương/ (Động bóng chiều); Sân hoa phay phẩy mưa hoàng cúc/ Thuyền cỏ hiu hiu gió bích đàm/ Nâng chén hương trà pha độc âm/ Lặng nhìn thu cảnh ứng thu tâm. (Động bóng chiều); Mưa xừng rừng thêm vắng/ Mong tìm một bóng chim/ Gió rung cành rụng nắng/ Bùng sáng cánh hoa sim (Mộng ngân son). Thơ Quách Tấn còn thể hiện sự cô đơn của kiếp người giữa đất trời, giữa thời gian, không gian mênh mông sâu thẳm: Chớp mắt nghìn thu quạnh/ Về đâu chiếc lá bay... Thời kỳ về sau, thơ Quách Tấn mang đậm triết lý và màu sắc của Phật giáo: Nghìn xưa không còn nữa/ Nghìn sau rồi cũng không/ Phẳng phất bờ trắng rạn/ Hương Ưu đàm trở bông (Thoảng hiện). Câu thơ khơi gợi cảm xúc cho độc giả cảm thấy lòng mình tĩnh lặng, bình an. Đọc các tập thơ tứ tuyệt của Quách Tấn, con đường thơ - đường Thiền của ông chính là đi từ “hữu ngã chi cảnh” đến “vô ngã chi cảnh”, tức từ cảnh giới thơ “cảnh có cái tôi” và “cảnh không có cái tôi”. Nếu “cảnh có cái tôi” là nhà thơ mang đậm dấu ấn cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ chi phối lên cảnh, thì “cảnh không có cái tôi” đạt đến trạng thái tối cao của cảnh giới Thiền “dĩ vật quán vật, cố bất tri hà giả vi ngã, hà giả vi vật” (lấy vật hiểu vật, do đó không biết cái nào là tôi, cái nào là vật), giữa vật và tôi không còn phân biệt. Nguồn Thiền trong thơ ông được thai nghén rất sớm trên mảnh đất quê hương Bình Định, sau đó là Nha Trang có nhiều cổ tự, chùa xưa với tiếng chuông văng vẳng đã in vào tiềm thức đợi đến ngày khai hoa, kết quả. Thiền cảnh đầu tiên đưa vào thơ là hình ảnh của những ngôi chùa in bóng. Những Thiền tự nấu mình trong núi trong cây, trong khói trong mây vẫn là nguồn cảm hứng bao đời của thơ ca, khách trần ai lần theo từng bậc đá lên chùa cảm thấy mỗi bước chân bỏ lại sau lưng gian ồn ào huyên náo, thấy lòng thanh tịnh không còn sân si phiền não, sự hài hòa cảnh - tình trong thơ ông nhuần nhuyễn, sức gợi tả - ám thị càng sâu lắng. Ý cảnh Thiền trong Động bóng chiều chủ yếu gắn với Thiền cảnh: một ngôi chùa, tiếng chuông, vãn kệ, bóng sư ông... mang vẻ đẹp tịch tĩnh nhưng vẫn thoáng lạnh buồn của tâm trạng. Nói cách khác, thời gian này thơ ông đã bén Thiền duyên nhưng vẫn chứa đựng nỗi niềm nhân thế, nỗi sầu, mộng, cô đơn, ly biệt: Ngõ ngoài trúc đôi bao lần biếc - Còn vương hoàng hôn phút biệt ly (Ngõ trúc), tập thơ cũng đã ghi dấu được sự Giao cảm của tâm hồn nhà thơ và vũ trụ: Chùa xa riêng cảm đêm thu quạnh/ Vãn kệ ngân đưa giấc mộng tàn, đặc biệt là bài Tĩnh tịch: Bờ nghiêng lau lách

bước sương lòng./ Trăng muộn màng canh lánh mặt sông/ Đồi nửa khói mây chìm bóng mộng./ Gọi đồ một tiếng lạnh hư không. Thơ Quách Tấn đạt đến sự tinh kết, hài hòa không phân biệt giữa cảnh và tâm thì phải đến Mộng Ngân Sơn và Giọt trắng. Lúc này thơ ông đã cô đúc trong dạng ngũ tuyệt. Đây chính là lúc thơ ông đi đến chỗ viên thành của Đạo như ông tự biết Lòng đạo nguyên dâng trọn ý thơ. Nếu trong Động bóng chiều Thiền tâm ít nhiều vẫn lệ thuộc vào Thiền cảnh, cảnh còn chịu sự chi phối của tâm, thì với Mộng Ngân Sơn. Thiền tâm đã đậm đến độ có thể lan tỏa tương giao với ngoại cảnh, có thể cảm biết được Thiền tính trong từng sự vật tồn tại khách quan, đem tiêu vũ trụ mà nhận ra một đại vũ trụ đâu đâu cũng là Thiền - đạt đến cái gọi là “vô ngã chi cảnh”. Sự hòa hợp ấy đã đi đến chỗ không còn phân biệt. Điều kỳ diệu ở hai tập thơ này là Quách Tấn đã tạo dựng được một vũ trụ thơ tràn đầy chất Thiền với những sự vật bé nhỏ đời thường đến mức dễ bị lãng quên. Đây là thế giới của cào cào, dế mèn, bướm bướm, chàng hui, sâu, se sẻ, sáo sậu, cò lép, quạ... cái búng chân của một con cào cào trong thơ Quách Tấn cũng làm xao động cả không gian: Nước ngậm trời long lanh/ Con cào cào áo xanh./ Bờ cao búng chân nhảy./ Mây chiều thu rung rinh (Búng chân). Lòng Thiền càng tĩnh lặng, nhà thơ càng cảm nhận được tinh thần của một thế giới mà vạn vật lúc nào cũng tương giao. Vậy nên một tiếng chuông lúc này đã không còn cái ba động thuở trước mà thoáng hiện thế giới Thiền: Chùa ẩn non mây trắng/ Bóng hồ in liễu xanh/ Mai chiều chuông đã tạnh/ Vòng sóng còn long lanh (Tiếng ngân). Chùa tựa vào non, liễu hồ in bóng, vật tồn tại nương tựa vào nhau, tạo nên một cảnh giới minh tịnh hòa bình, chỉ còn tiếng chuông từng vòng loang sóng khắp không gian. Tiếng chuông là thực cảnh, mà tiếng ngân đã là hư cảnh. Âm ba cũng lại là hư cảnh, Sương xuống hồi chuông lặng/ Âm ba tràn hư không. Tiếng chuông thực bật tiếng là lúc bắt đầu cảnh giới của thái hư, Lừng lơ vàng gợn sóng/ Dư âm tràn hư không, chỉ còn gợn sóng kia và trăng hồ như rộng thêm ra mệnh mông cho ta hay về sự tồn tại. Thơ Quách Tấn càng về sau càng đi từ thực sang hư, hư cảnh được cảm nhận bởi có hư tâm. Cảnh trống không, lòng trống không, rỗng mà đầy, ấy là tính ảo diệu của Thiền: Chim chiều kêu trước giậu/ Gối sách nhìn hư không./ Phoi phới làn mây trắng./ Bay qua ngọn ráng hồng. (Hư tâm), lòng người nhận ra bản chất không của sự tồn tại thì kể gì nghìn xưa với nghìn sau: Nghìn xưa không còn nữa/ Nghìn sau rồi cũng không/ Phảng phất bờ trắng rạng/ Hương Ưu đàm trở bông. (Thoáng hiện). Bài thơ ngộ được vạn vật vô thường để hướng tâm thức về vô ngã... Ngộ

được cuộc đời vô thường nên tâm thức thành ra vô ngã. Bờ trắng rạng là thực thể của thế giới thường hằng. Bằng cái nhìn vô thường hợp với cái tâm vô ngã nhà thơ đã cảm nhận được hương Ưu đàm phảng phất. Phải có một tâm hồn nghệ sĩ, tế nhị mà thâm trầm hòa với cái tâm ngộ Đạo, mới nhận thức được giữa cái hữu thường và cái vô thường không có ranh giới phân chia. Thiền tâm lắng nghe được từng động tĩnh nhỏ nhoi của từng sự vật mà ngộ ra chân lý tồn tại bình đẳng của vạn vật, nhìn ra Thiền tính trong những cảnh bình dị tưởng không thấy Thiền đâu. Ý cảnh mà nhà thơ tạo ra là một thế giới tự nhiên do sự vật làm chủ, tự nó, như nó có, như nó là, mà dấu ấn chủ quan của nhà thơ đã tan biến vào trong thi ảnh. Thiền tâm nhận ra sự sống tồn tại ở nơi tưởng chỉ có chết chóc: Lửa nguội lòng chinh chiến/ Đinh lô cốt chon von/ Lung tường chiều trải nắng/ Tươi thắm màu tigon. (Thái bình). Đặt màu hoa tươi thắm của sự sống trong bối cảnh phản tự nhiên mới thấy thông điệp kỳ diệu của đất trời gửi qua hình ảnh một nhánh hoa mỏng manh, đồng thời cũng nhận ra bản lĩnh thâm trầm của một con người đi ngược lại với những gì là trào lưu thời thượng, xây dựng cho mình một cõi thơ riêng, tưởng cổ điển mà những thông điệp gửi gắm vô ngôn lại không thiếu ý nghĩa thời đại. Trong cõi thơ ấy, là cảnh là tâm, là vật là người không còn phân biệt nữa, bình dị, tĩnh lặng mà phập phồng hơi thở của sự sống nhỏ bé mà bao la: Vườn hồng vang tiếng sè/ Gió thổi mặt trời lên/ Hương ẩm hoa hàm tiếu/ Con sâu già ngủ quên. (Vườn hồng). Trong dòng chảy thơ ca thể kỷ XX hiện đại với nhiều khuynh hướng, đa phong cách, Quách Tấn vẫn lặng lẽ kiên trì một con đường riêng, lưu giữ hương xưa, kết hợp cái hàm súc, trang nhã của thơ với tinh thần uyên áo diệu vợi thăm sâu của Thiền trong dạng thức thơ tứ tuyệt, dựng nên một thế giới thơ hài hòa giữa Thiền tâm và Thiền cảnh. Cổ điển mà vẫn không kém phần hiện đại khi nhà thơ phát hiện những vẻ đẹp bình dị đang bị lãng quên trong cuộc sống xô bồ. Thơ Quách Tấn ý mới, lời mới, sâu sắc, tình cảm nồng nàn, mang đậm một tâm hồn phương Đông, tâm hồn Việt Nam. Quách Tấn còn viết những câu thơ thể hiện sự cô đơn của kiếp người giữa đất trời, giữa thời gian, không gian mệnh mông sâu thẳm, nhà thơ thể hiện triết lý về sự hữu hạn của đời người: Chớp mắt nghìn thu quạnh/ Về đâu chiếc lá bay... Thời kỳ về sau, thơ Quách Tấn mang đậm triết lý và màu sắc Phật giáo.

4. KẾT LUẬN

Thơ ca là một loại hình nghệ thuật ngôn từ đặc biệt, chứa đựng sự hài hòa thẩm mỹ giữa trí tuệ và cảm xúc; giữa hình thức và nội dung. Trong

đó, tính triết lý là một phương diện cần có để làm giàu nhận thức, liên tưởng và suy tưởng của con người. Việc tìm hiểu thơ hiện đại thể hiện triết lý nói chung và tìm hiểu tư tưởng triết lý trong thơ Quách Tấn nói riêng cũng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, tuy nhiên, những công trình này mới chỉ đề cập một vài khía cạnh về nội

dung triết lý hoặc một số phương diện về nghệ thuật biểu hiện tính triết lý trong thơ, như vậy, thực tế rất cần những khảo cứu chuyên sâu, hệ thống để chứng minh, lý giải đầy đủ về tính triết lý trong thơ Quách Tấn. Thơ mang tính triết lý của Quách Tấn, vì thế, vẫn luôn là đối tượng hấp dẫn và sẵn sàng “mời gọi” những diễn dịch đa chiều.

RESEARCH ON PHILOSOPHY IN QUACH TAN'S POETRY

Nguyen Thi Kim Hong¹

Received Date: 10/02/2023; Revised Date: 11/9/2023; Accepted for Publication: 30/9/2023

ABSTRACT

Poetry is a form of consciousness belonging to the superstructure, but it is different from other forms with the same superstructure such as law, politics, etc. because it has its own characteristics and internalizing power caused by the organizational form of language and the special emotional state of the creative subject. On the journey to find beauty, each poet has his own way of receiving by association, discovery and proposal in his own way. Great poets are often thinkers, philosophers, directly or indirectly presenting philosophies about the world and human life. Quach Tan is a famous poet in modern Vietnamese poetry. Quach Tan's poetry has a unique and outstanding philosophical beauty. The poet has the idea of exploring and expressing the concept of the universe, everything and the human world. This article explores the philosophy of poetry and summarizes the research on philosophy in Quach Tan's poetry.

Keywords: *Quach Tan, philosophy, modern poetry.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lại Nguyên Ân (2003). *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Công Thanh Dung (2014). “Cảm hứng Thiền Phật trong thơ Quách Tấn”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 3/2014.

Lê Quang Hưng (2019). *Những quan niệm những thế giới nghệ thuật văn chương*, NXB ĐHQG HN.

Nguyễn Công Lý - Đoàn Lê Giang (Chủ biên, 2016). *Văn học Phật giáo Việt Nam, thành tựu và định hướng nghiên cứu mới*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, NXB Khoa học xã hội.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Nguyen Thi Kim Hong; Tel: 0344477697; Email: nguyengkimhong504@gmail.com.

